

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần gỗ Đông Dương tại Văn bản số 30/CV-GDD ngày 29/12/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 51/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần gỗ Đông Dương (địa chỉ: Cụm công nghiệp Tân Thành, thôn 3 Tân Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ (giai đoạn 1), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến gỗ

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Tân Thành, thôn 3 Tân Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (*nay là xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang*).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 21/11/2007; đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 02 do Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/11/2025.

1.4. Mã số thuế: 151210000028.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

+ Nhà máy chế biến gỗ của Công ty cổ phần gỗ Đông Dương được thực hiện trên tổng diện tích đất là 2,891 ha, tại cụm công nghiệp Tân Thành, thôn 3 Tân Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

+ Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C.

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

+ Quy mô công suất: 5.000 m³ sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần gỗ Đông Dương.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần gỗ Đông Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành (*quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường*).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

1.1. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, tài liệu, dữ liệu và sự phù hợp, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hồ sơ thẩm định trình phê duyệt tại Tờ trình số 51/TTr-SNNMT nêu trên.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hàm Yên:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nội dung Giấy phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (bản chính);
- LĐVP UBND tỉnh;
- UBND xã Hàm Yên;
- Công ty cổ phần gỗ Đông Dương (nhận KQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục 1:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép số /GPMТ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải (04 nguồn phát sinh bụi, khí thải)**

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất ván ghép thanh, công đoạn chà thô.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất ván ghép thanh công đoạn chà nhám.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất ván ghép thanh công đoạn chà thanh, đánh bóng sản phẩm.
- Nguồn số 04: khí thải từ lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (02 dòng khí thải)

2.1. Dòng khí thải số 01: tương ứng với nguồn số 1, 2, 3 khí thải sau hệ thống thu hồi bụi công suất 55kW tại dây chuyền sản xuất ván ghép thanh.

2.1.1. *Vị trí xả khí thải:* Tọa độ xả khí thải: X: 2482410.28; Y: 420253.14. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°.

2.1.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* 50.000 m³/giờ

2.1.3. *Phương thức xả khí thải:* Xả liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	≤50	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng

2.2. Dòng khí thải số 02: Tương ứng với nguồn số 4 khí thải sau hệ thống xử lý tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.1.1. *Vị trí xả khí thải:* Tọa độ xả khí thải: X: 2482229.87; Y: 420021.63. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°.

2.1.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* 10.000 m³/giờ

2.1.3. *Phương thức xả khí thải:* Xả liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤200	Không	Không
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	≤150	Không	Không
3	Nitơ oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤300	Không	Không
4	Bụi	mg/Nm ³	≤45	Không	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về thiết bị xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 1, 2, 3: Bụi phát sinh được thu gom qua hệ thống chụp hút, nhờ lực hút của quạt ly tâm, toàn bộ bụi sẽ di chuyển theo đường ống dẫn bụi đến thiết bị lọc bụi Cyclone chuyển động xoáy trong buồng cyclone, các hạt bụi nặng hơn bị đẩy ra ngoài và rơi xuống đáy cyclone và bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi vải lọc. Dòng khí sạch sẽ tiếp tục đi lên trên theo ống khói và thoát ra ngoài môi trường.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 4: Khí thải phát sinh được hút vào hệ thống đường ống thu hồi nhiệt đi vào hệ thống xử lý khói thải, sau đó sẽ đi vào Cyclone (thiết bị lọc bụi ly tâm) để lọc bụi và ống thu bụi, các hạt bụi theo chuyển động hình xoắn ốc rơi xuống phễu hứng bụi. Tro xỉ lắng xuống phễu thu tro và được lấy ra bằng van xoay; Khí thải sau khi qua Cyclone vẫn còn những hạt bụi mịn, khí độc như (NO₂, SO₂, CO₂,...) tiếp tục đi qua bể đập bụi, nước có chứa vôi bột CaO, vôi bột sẽ hấp thụ các khí có trong khí thải, tại đây nước được phun sương để dập tắt các hạt bụi còn sót lại trong khí thải, giảm thiểu bụi mịn thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Tóm tắt quy trình, công nghệ khí thải phát sinh từ dòng số 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi gỗ từ công đoạn chà nhám, đánh bóng sản phẩm gỗ được thu gom bằng chụp hút → Quạt hút → Hệ thống đường dẫn

→Thiết bị Cyclone → Các ống túi vải → Khí sạch thải ra ngoài môi trường (Bụi thu được tại phễu được thu gom, tận dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi).

- Công suất thiết kế: 50.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.2. Tóm tắt quy trình, công nghệ khí thải phát sinh từ dòng số 02

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùn cưa, đầu gỗ vụn, bụi gỗ thu hồi từ bụi túi vải → Lò hơi → Thiết bị thu hồi nhiệt → Buồng sấy gỗ

↓
Thiết bị Cyclone



Ống khói xả ra ngoài môi trường Bể hấp thụ Quạt hút ←

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi bột CaO hấp thụ các khí độc như: NO₂, SO₂, CO₂...

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

TT	Các sự cố có khả năng xảy ra	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Quạt hút không hoạt động hoặc độ ồn cao	Ổ cắm không có điện hoặc máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra lại nguồn điện, vệ sinh định kỳ quạt hút và bố trí quạt dự phòng
2	Túi vải lọc bụi làm phát tán bụi gỗ ra bên ngoài	Túi vải lọc bụi bị rách hoặc bụi bám dày trên thành túi vải	Tạm dừng hoạt động của thiết bị lọc, kiểm tra và lắp lại túi lọc hoặc thay thế trong trường hợp bị rách.
3	Hệ thống hút bụi làm việc bình thường, bụi gỗ không được hút hết	Đường ống hút bị hư hại hoặc tích nhiều bụi	Tạm ngưng hoạt động và kiểm tra đường ống, thay thế hoặc hàn vá kịp thời
4	Mất điện đột ngột trong khi vận hành	Mạng điện hoạt động không ổn định, không có UPS	Kiểm tra cầu chì, lắp đặt bộ lưu điện (UPS)
5	Bụi bám dày trong túi vải lọc bụi, cyclone	Vệ sinh không đúng cách, hệ thống rũ bụi không hoạt động	Tiến hành vệ sinh định kỳ, kiểm tra hoạt động của hệ thống rũ bụi và có lịch bảo trì rõ ràng.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục trong hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống.

- Khắc phục và thay thế sớm các thiết bị để đảm bảo thời gian dừng hoạt động là ngắn nhất (tối đa 72 giờ kể từ thời điểm phát hiện ra sự cố và tạm dừng).

- Khi sự cố về vận hành xảy ra, Chủ dự án cam kết sẽ dừng hoạt động sản xuất cho đến khi khắc phục xong các sự cố.

- Luôn có phương án dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng của hệ thống xử lý khí thải như: Quạt hút, túi vải lọc bụi,...

- Thực hiện vận hành hệ thống theo đúng quy trình, hướng dẫn của nhà sản xuất kết hợp với việc thực hiện giám sát chất lượng khí, kịp thời phát hiện sớm các dấu hiệu ô nhiễm, ngăn ngừa sự cố kịp thời.

- Các máy móc thiết bị được đăng ký, kiểm định, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch, đảm bảo luôn trong tình trạng tốt, an toàn lao động theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để phục vụ thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty cổ phần gỗ Đông Dương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2:**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Máy tiện gỗ;
- Nguồn số 2: Máy cắt gỗ;
- Nguồn số 3: Máy xẻ gỗ;
- Nguồn số 4: Máy chằm cắt gỗ;
- Nguồn số 5: Khu vực bốc xếp sản phẩm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

a) Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2026:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BNNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BNNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2010/BTNMT, đơn vị dBA	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	55

- Giới hạn đối với độ rung:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2010/BTNMT, đơn vị dB	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	60

b) Kể từ ngày 01/01/2027 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BNNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn:

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2025/BNNMT, đơn vị dBA		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
	Khu vực E (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	70	65	60

- Giới hạn đối với độ rung:

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2025/BNNMT, đơn vị dB	
		Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
	Khu vực D (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
3. Trồng cây xanh để tạo cảnh quan đồng thời hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại vật dụng nhiễm dầu: giẻ lau, bao tay	18 02 01	08
2	Hộp mực in	08 02 01	5
3	Bóng đèn hỏng thải bỏ	16 01 06	7
4	Chai, can đựng dung môi	18 01 03	12
Tổng			24

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Vỏ gỗ	09 01 02	75.000
2	Mùn cưa, vụn gỗ, bụi gỗ thu hồi	09 01 03	6.000
3	Bìa carton đóng gói hồng, giấy vụn phòng thải bỏ	18 01 05 18 01 06	500
4	Tro, xỉ	04 02 06	3.000
Tổng			84.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 16kg/ngày**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại**

a) Thiết bị lưu chứa: Cơ sở bố trí 4 thùng đựng chất thải nguy hại dung tích 120 lít, có dán nhãn CTNN đặt tại khu vực xưởng gia công xẻ thô

b) Kho lưu chứa: Kho chứa được thiết kế đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

c) Thiết kế, cấu tạo của kho: 01 kho chứa, diện tích 6 m², mặt sàn đổ bê tông, có mái che, xung quanh xây tôn, bên ngoài có dán biển “Kho chứa chất thải nguy hại”.

2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 60 m², bên trong khuôn viên nhà xưởng, nền đổ bê tông, mái lợp tôn.

Vỏ bào, mùn cưa, bìa carton, giấy vụn phòng... được lưu giữ vào bao tải, tập kết tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Tro, xỉ: Định kỳ 25-27 ngày thu gom và tập kết tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường. Tro, xỉ được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Khu vực lưu chứa: Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải có gắn biển cảnh báo “KHU VỰC LƯU CHỨA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG” cùng các ký hiệu cảnh báo an toàn phù hợp.

c) Thiết kế cấu tạo khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái tôn.

3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải có khả năng tái chế như chai, lọ nhựa, giấy báo,... được tận dụng bán cho đơn vị thu gom phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải không thể tái chế như túi nilong, vỏ bao bì, chai lọ thủy tinh,... được thu gom và lưu chứa tại các khu vực phát sinh (văn phòng, nhà xưởng, nhà vệ sinh) bố trí thùng kín có nắp đậy, dung tích 25 - 45 lít để thu gom.

- Rác sau khi thu gom được chuyển về khu tập kết và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý tần suất 01 lần/ngày.

4. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

Tự xử lý mùn cưa, vỏ bào, đầu mẩu, bụi gỗ thu hồi: 84.500 kg, để tái sử dụng cho công đoạn đốt lò hơi.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần gỗ Đông Dương có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hệ thống xử lý nước thải, khí thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường về chất thải cấp cơ sở (*sự cố rò rỉ, vỡ đường ống dẫn khí hoặc không hoạt động các hệ thống xử lý bụi, khí thải...*), công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn

tập, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

2. Luôn dự trữ trong kho của nhà máy đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải để kịp thời thay thế lắp đặt nhanh chóng, tiết kiệm thời gian.

3. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, kịp thời phát hiện, sửa chữa các hư hỏng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải.

4. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, nước thải đảm bảo máy móc luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất, đảm bảo hiệu quả xử lý.

5. Khi xảy ra sự cố nghiêm trọng liên quan đến cháy nổ của hệ thống xử lý bụi, khí thải thì phải dừng khẩn cấp hoạt động để tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố một cách nhanh nhất. Khi khắc phục sự cố xong nhà máy mới tiếp tục hoạt động trở lại.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thực hiện đúng và đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động theo nội dung, cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
3. Có phương án xử lý 1,8 m³ /ngày đêm nước thải sinh hoạt, đảm bảo theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường; cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, nước sử dụng cho lò hơi được tuần hoàn, tái sử dụng theo đúng nội dung đã cam kết.
4. Bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.